

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Theo Văn bản số 2449/UBND-KT ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh về việc thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích đầu tư xây dựng công trình Dự án Nhà ở xã hội Nhơn Phú 2; Văn bản số 9491/UBND-KT ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương sử dụng 03 điểm mỏ đất san lấp tại các xã: Cát Tài, Cát Hiệp, Cát Minh để phục vụ thi công các công trình đầu tư công trên địa bàn huyện Phù Cát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 401/TTr-STNMT ngày 05/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh tại Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh.

Khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường được quy hoạch khai thác để cung cấp nguyên vật liệu phục vụ xây dựng các công trình sử dụng ngân sách Nhà nước và dự án khai thác khoáng sản trong phạm vi đầu tư xây dựng công trình) được thể hiện tại phần Phụ lục kèm theo.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

- Triển khai, công bố công khai khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại trụ sở làm việc; sao gửi tài liệu kết quả cho các Sở,

ngành có liên quan, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Phù Cát sau khi được UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND huyện Phù Cát tham mưu UBND tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. UBND thành phố Quy Nhơn và UBND huyện Phù Cát căn cứ khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt, tổ chức công tác quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của Luật Khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này bổ sung Quyết định số 2421/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh
- Cục KS Việt Nam;
- Chi Cục KS miền Trung;
- Lưu: VT, K4, K14

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC ĐIỂM MỎ VẬT LIỆU BỔ SUNG VÀO KHU VỰC KHÔNG ĐÁU GIÁ
THUỘC THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CỦA UBND TỈNH

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh

TT	Số hiệu điểm mỏ	Vị trí	Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 KTT 108°15', múi 3°		Diện tích (ha/m ²)	Cơ sở pháp lý
				X(m)	Y(m)		
1	Khai thác đất thừa trong quá trình thi công xây dựng dự án	phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	1	1.524.964	600.017	8.119,75m ²	Theo Văn bản 2449/UBND-KT ngày 04/4/2024 của UBND tỉnh
			2	1.524.955	600.025		
			3	1.524.939	600.037		
			4	1.524.925	600.050		
			5	1.524.908	600.065		
			6	1.524.896	600.076		
			7	1.524.888	600.085		
			8	1.524.879	600.094		
			9	1.524.874	600.100		
			10	1.524.857	600.119		
			11	1.524.850	600.111		
			12	1.524.831	600.087		
			13	1.524.789	600.050		
			14	1.524.782	600.043		
			15	1.524.751	600.015		
			16	1.524.743	600.005		
			17	1.524.726	599.983		
			18	1.524.699	599.948		
			19	1.524.772	599.879		
			20	1.524.839	599.854		
			21	1.524.857	599.855		
			22	1.524.879	599.888		
			23	1.524.930	599.962		
			24	1.524.955	599.998		
2	PC03	xã Cát Minh, huyện Phù Cát	Khu vực I: 1,8ha		2,8 ha	Theo Văn bản số 9491/UBND-KT ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh	
			1	1.560.017			596.035
			2	1.560.062			596.142
			3	1.559.918			596.233
			4	1.559.876			596.148
			Khu vực II: 2,0ha				
			5	1.559.781			595.996
			6	1.559.944			595.861
7	1.559.984	595.957					
8	1.559.834	596.081					